

Bản án số: 102/2020/HC-PT
Ngày: 30-6-2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính,
quyết định giải quyết khiếu nại trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**.
Ông **Lê Tự**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30-6-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 138/2020/TLPT-HC ngày 17-02-2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 27-12-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 944/2020/QĐ-PT ngày 03-6-2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà **Nguyễn Thị T1** (Giấy ủy quyền ngày 25-3-2019), bà T1 có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh T:

Luật sư **Trần Anh Th** - Công ty Luật V Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 52, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Ông **Lê Chí P1** - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tư pháp, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Q; địa chỉ: Số 48, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q; địa chỉ: Số 48, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố và của Chủ tịch UBND thành phố Q: Ông **Trần Phước H1** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Q (Giấy ủy quyền ngày 18-6-2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của Chủ tịch UBND thành phố và UBND thành phố Q: Ông **Phạm Văn Th** - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q; địa chỉ: Số 135, đường T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T3.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện T3; địa chỉ: Thị trấn L1, huyện T3, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đình P2, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Thanh Y, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th và anh Y: Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy ủy quyền ngày 25-01-2019), bà T1 có mặt.

5. Ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Đình H3, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Cha, mẹ ông Nguyễn Thanh T là ông Nguyễn Thành H4 và bà Đỗ Thị H5. Năm 1993, bà Đỗ Thị H5 kê khai quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, bà (T, T1) đối với thửa

đất số 747, diện tích 220 m², loại đất T, tờ bản đồ 02 tại xã N, huyện T3, tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn gốc thửa đất là do cha, mẹ ông T tạo lập 1976. Năm 1988, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “hộ” ông Nguyễn Thanh T và năm 2011, UBND huyện T3 cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho vợ chồng ông, bà tại thửa đất số 123, tờ bản đồ 02, diện tích 197,9 m² tại xã N, huyện T3 (thửa đất số 747 cũ). Sau khi được cấp lại, vợ chồng ông, bà tiếp tục quản lý và sử dụng ổn định, không ai tranh chấp.

Sau đó, do ông Nguyễn Đình P2 (là anh của ông T) khiếu nại, UBND thành phố Q cho rằng “Đơn đăng ký kê khai” ngày 06-3-1998 không đúng về nguồn gốc sử dụng đất, nên ban hành Thông báo số 148/TB-UBND ngày 06-6-2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho vợ chồng ông, bà và ngày 17-11-2017, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9793/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông, bà.

Không đồng ý với Quyết định số 9793/QĐ-UBND ngày 17-11-2017 của UBND thành phố Q nên ông, bà khiếu nại. Ngày 30-3-2018, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại. Ông T tiếp tục khiếu nại và ngày 10-9-2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1541/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông. Vì vậy, vợ chồng ông, bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

- Hủy Quyết định số 9793/QĐ-UBND ngày 17-11-2017 của UBND thành phố Q về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1.

- Hủy Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1.

- Hủy Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1.

Người bị kiện:

- *Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Thửa đất số 747, diện tích 220 m², tờ bản đồ số 02, lập năm 1993, có nguồn gốc của bà Đỗ Thị H5 và ông Nguyễn Thành H4 tạo lập, sử dụng và có nhà ở trên đất. Sau khi ông H4 chết, bà H5 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này. Năm 1998, ông Nguyễn Thanh T kê khai đăng ký quyền sử dụng đất (thời điểm này bà H5 vẫn còn sống). Do bà Đỗ Thị H5 là chủ sử dụng đất hợp pháp, nên việc kê khai về nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T là không đúng; ngoài ra, ông T không có giấy tờ gì thể hiện ý chí của bà H5 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T. Tuy nhiên, UBND xã N, không xác minh làm rõ nguồn gốc đất, chủ sử dụng đất hợp pháp mà dựa vào thông tin trên đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đã đề nghị UBND huyện T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thanh T là không đúng quy định tại Mục 1.2.4 Phần II Thông tư số 346/TT-1998/TT-TCĐC 1998 của Tổng Cục địa

chính. Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thanh T năm 1998 là không đúng chủ sử dụng đất và đối tượng sử dụng đất.

Năm 2011, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện T3 đã thay đổi chủ sử dụng đất từ “hộ” ông Nguyễn Thanh T sang tên ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1, trong khi hồ sơ cấp đổi không có tài liệu nào làm căn cứ để thay đổi đối tượng sử dụng đất từ “hộ” sang “vợ chồng ông T, bà T1”. Như vậy, UBND huyện T3 đã xác định không đúng chủ thể quyền sử dụng đất hợp pháp, không đúng đối tượng sử dụng đất.

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19-12-1998 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20-12-2011 (cấp đổi) đều xác định không đúng đối tượng sử dụng đất, nên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, thì thuộc trường hợp phải thu hồi. Vì vậy, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9793/QĐ-UBND ngày 17-11-2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30-3-2018 về việc giải quyết khiếu nại và sau đó là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 về giải quyết khiếu nại (lần hai), đều có nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 là đúng quy định của pháp luật.

- *UBND và Chủ tịch UBND thành phố Q trình bày:*

Tại “Đơn xin đăng ký” ngày 06-3-1998, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T1 kê khai nguồn gốc thửa đất số 747, diện tích 220 m², loại đất T, tờ bản đồ số 02 tại xã N, huyện T3 là “*Tự tạo lập vào năm 1976*”. Tuy nhiên, tại thời điểm này, ông Nguyễn Thanh T chỉ mới 06 tuổi, bà Nguyễn Thị T1 10 tuổi. Qua kết quả làm việc với UBND xã N xác định nguồn gốc thửa đất số 747 là của bà Đỗ Thị H5, lúc bà H5 còn sống cho 02 con là ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Đình P2 và xây dựng 02 ngôi nhà trên đất. Bà Đỗ Thị H5 sống chung với ông T. Năm 2000, bà H5 chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc thửa đất số 747, tờ bản đồ 02 là của vợ chồng ông Nguyễn Thành H4 và bà Đỗ Thị H5. Sau khi ông H4 chết, bà H5 đã quản lý sử dụng thửa đất và đứng tên chủ hộ trong một sổ hộ khẩu khác, không có tên trong sổ hộ khẩu của ông T do ông T đứng tên chủ hộ.

Tại các Biên bản làm việc ngày 13-9-2017, ngày 10-10-2018 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q với ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 thì ông T, bà T1 cho rằng chữ ký tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 06-3-1998 không phải là chữ ký của vợ chồng ông, bà. Việc UBND huyện T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thanh T ngày 19-12-1998 đối với thửa đất số 747, diện tích 220 m², loại đất T, tờ bản đồ số 02, xã N, huyện T3 trên cơ sở Đơn xin đăng ký ngày 06-3-1998 và nội dung kê khai về nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 là không đúng về nguồn gốc sử dụng đất và không đúng đối tượng sử dụng đất.

Ngày 20-8-2010, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap. Trên cơ sở xác minh thẩm tra, ngày 20-12-2011, UBND huyện T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1, tại thửa đất số 123, diện tích 197,9 m², loại đất ONT, xã N (thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1998). Do bà Đỗ Thị H5 chết không để lại di chúc và không có giấy tờ giao trọn quyền cho ai, nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 123, diện tích 197,9 m², loại đất ONT, xã N (thửa đất số 747 cũ) là không đúng quy định pháp luật.

Như vậy, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9793/QĐ-UBND ngày 17-11-2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30-3-2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh T là đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện T3 trình bày:

Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa đất số 747, tờ bản đồ số 02, diện tích 220 m² là đúng quy định của pháp luật. Sau đó, thực hiện Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 12-12-2013 về việc điều chỉnh địa giới hành chính, thì toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà T1 đã được bàn giao cho Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Q. UBND huyện T3 không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Th1, anh Nguyễn Thanh Y trình bày: Chị Thúy, anh Ý là các con của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1. Anh, chị đều thống nhất nội dung khởi kiện của ông T, bà T1. Không có ý kiến bổ sung gì.

- Ông Nguyễn Đình P2 trình bày:

Nguyên thửa đất số 747, tờ bản đồ 02, tại xã N, huyện T3, tỉnh Quảng Ngãi có trên ½ diện tích đất ở và nhà ở do cha, mẹ (ông Nguyễn Thành H4, bà Đỗ Thị H5) lưu hạ lại cho vợ chồng ông và ông đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1978 đến nay. Tuy nhiên, vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 khai man “*Tự tạo lập vào năm 1976*” để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND xã N xác nhận và đề nghị và UBND huyện T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap. Xác định ông Nguyễn Thanh T khai không đúng về nguồn gốc, nên ông có đơn yêu cầu UBND thành phố Q xem xét và ngày 17-11-2017, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9793/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 là đúng pháp luật.

- Các ông Nguyễn Đình H2, Nguyễn Đình H3 và bà Nguyễn Thị Q1 trình bày:

Cha, mẹ của các ông, bà là ông Nguyễn Thành H4 và bà Đỗ Thị H5. Sau khi chết, cha, mẹ các ông bà không để lại di chúc. Tài sản của cha, mẹ để lại là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 02, xã N, thành phố Q, diện tích 197,9 m² (thửa đất số 747 cũ), nhưng đã được UBND huyện T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1. Sau khi biết UBND huyện T3 cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà T1, ông Nguyễn Đình P2 có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố Q. Trên cơ sở kiểm tra, xác minh, UBND thành phố Q ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà T1 là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T, bà T1.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 27-12-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu hủy Quyết định số 9793/QĐ-UBND ngày 17-11-2017 của UBND thành phố Q về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1; Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09-01-2020, ông Nguyễn Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu “Hủy Quyết định số 9793/QĐ-UBND ngày 17-11-2017 của UBND thành phố Q; Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q và Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi” nên ngày 09-01-2020, ông Nguyễn Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm; đơn kháng cáo của ông T là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo đề nghị hủy quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời, đề nghị không phải chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm. Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các quyết định hành chính đã ban hành. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T:

[2.1]. Đối với kháng cáo hủy Quyết định số 9793/QĐ-UBND ngày 17-11-2017 của UBND thành phố Q:

Thửa đất số 747, tờ bản đồ số 02 (lập năm 1993) tại xã N, huyện T3 (nay là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 02, xã N, thành phố Q) có nguồn gốc là của vợ chồng ông Nguyễn Thành H4, bà Đỗ Thị H5 tạo lập, quản lý, sử dụng và xây nhà ở trên đất. Sau khi ông H4 chết, bà H5 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này và cho 02 con (ông Phụng ông và ông T) xây dựng 02 ngôi nhà trên đất, bà Đỗ Thị H5 sống chung với ông T, nhưng đứng tên chủ hộ trong một sổ hộ khẩu khác, không có tên trong sổ hộ khẩu của ông T. Năm 2000, bà H5 chết không để lại di chúc.

Ngày 06-3-1998, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 (là con trai và con dâu bà H5) có đơn xin kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 747, tờ bản đồ số 02, nguồn gốc sử dụng đất ghi *“Tự lập 1976”*. Do đó, ngày 19-12-1998, UBND huyện T3 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho *“Hộ ông Nguyễn Thanh T”* đối với thửa đất số 747 nêu trên. Sau đó, ngày 20-8-2010, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap và ngày 20-12-2011, UBND huyện T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho *“Ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1”*, tại thửa đất số 123, diện tích 197,9 m², tờ bản đồ số 02, loại đất ONT, xã N (thửa đất số 747 cũ).

Tuy nhiên, bà Đỗ Thị H5 là chủ sử dụng đất hợp pháp và tại thời điểm này bà H5 vẫn còn sống, không có giấy tờ gì thể hiện ý chí của bà H5 về việc chuyển nhượng hoặc tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T; đồng thời, tại thời điểm kê khai, ông Nguyễn Thanh T mới 06 tuổi, do đó nội dung mà ông Nguyễn Thanh T kê khai về nguồn gốc của thửa đất *“Tự lập năm 1976”* là không đúng thực tế.

Ngoài ra, tại các Biên bản làm việc ngày 13-9-2017, ngày 10-10-2018 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q với ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 thì ông T, bà T1 cho rằng *“Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất”* ghi ngày 06-3-1998 tên *“T”*, không phải là chữ ký của ông và đề nghị giám định chữ ký. Tại Bản kết luận giám định số 444/C09-P5 ngày 18-12-2019, Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: *“Chữ “ký” và chữ “T” dưới mục “ký tên” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Thanh T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M16 không phải do cùng một người viết, ký ra”*.

Như vậy, khi xem xét việc đăng ký, kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T, UBND xã N không xác minh nguồn gốc đất, chủ sử dụng đất hợp pháp mà chỉ dựa vào thông tin trên đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T đã đề nghị UBND huyện T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho *“hộ ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1”* là không đúng quy định tại Mục II.1 Phần II và IV.1 Phần IV Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ngày 17-11-2017, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9793/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH 01809, số phát hành BH 212903 ngày 20-12-2011 do Ủy ban nhân dân huyện T3 đã cấp cho ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 là đúng quy định quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2]. Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q và Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi:

Sau khi UBND thành phố Q ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T3 trước đây đã cấp cho ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1, thì ngày 18-12-2017, ông T và bà T1 khiếu nại.

Căn cứ vào kết quả thẩm tra, xác minh và thấy có đủ cơ sở để xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19-12-1998 cho hộ ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20-12-2011 (cấp đổi theo dự án Vlap) cho “Ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1” đều xác định không đúng nguồn gốc đất, đối tượng sử dụng đất nên ngày 30-3-2018, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UBND và ngày 10-9-2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1541/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần hai), đều có nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 là đúng pháp luật.

[2.3]. Đối với kháng cáo về chi phí giám định và án phí hành chính sơ thẩm:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T cho rằng chữ ký và chữ viết tại “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” ghi ngày 06-3-1998 không phải chữ viết, chữ ký của ông nên có “Đơn yêu cầu giám định” và ngày 22-11-2019, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định trưng cầu giám định số 84/2019/QĐ-TCGD, sau đó ngày 18-12-2019, Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an ban hành Bản kết luận giám định số 444/C09-P5. Ông Nguyễn Thanh T là người đề nghị Tòa án giám định; đồng thời, yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1 không được chấp nhận, do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải chịu chi phí giám định và án phí hành chính sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 362, Điều 384 của Luật Tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Như vậy, các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HCST ngày 27-12-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 về: Hủy Quyết định số 9793/QĐ-UBND ngày 17-11-2017 của UBND thành phố Q về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1; Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30-3-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 và Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1.

3. Quyết định về chi phí tố tụng và án phí hành chính sơ thẩm được thực hiện theo quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HCST ngày 27-12-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

- Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0004115 ngày 09-01-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi nay được chuyển thành án phí; ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường